

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Đến thời điểm 31/03/2012

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		414,407,420,961	370,303,172,715
	(100=110+120+130+140+150)				
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15,109,092,565	21,847,814,712
1	Tiền	111		15,109,092,565	21,847,814,712
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17,952,000,000	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	17,952,000,000	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		259,538,086,283	228,648,243,308
1	Phải thu khách hàng	131	V.3	216,957,623,641	193,073,324,186
2	Trả trước cho người bán	132	V.4	30,552,835,684	25,545,569,224
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	-Vốn lưu động			-	-
	-Vốn cố định			-	-
	- Phải thu nội bộ khác			-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	V.5	12,617,296,261	10,619,019,201
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(589,669,303)	(589,669,303)
IV	Hàng tồn kho	140		100,844,566,628	107,034,708,627
1	Hàng tồn kho	141	V.7	100,844,566,628	107,034,708,627
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		20,963,675,485	12,772,406,068
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3,349,705,564	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		257,148,374	268,993,238
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	17,356,821,547	12,503,412,830
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178,673,658,319	208,886,217,645
	(200=210+220+240+250+260)				
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		119,138,773,315	126,775,239,988
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	112,958,213,756	116,389,303,563
	- Nguyên giá	222		159,603,330,708	161,175,239,799
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(46,645,116,952)	(44,785,936,236)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	504,428,938	547,665,697
	- Nguyên giá	228		1,729,470,426	1,729,470,426
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,225,041,488)	(1,181,804,729)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	5,676,130,621	9,838,270,728
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (*)	250		58,531,730,120	78,183,730,120
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.13	36,431,773,480	36,431,773,480
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	20,599,956,640	20,099,956,640
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	1,500,000,000	21,652,000,000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V	Tài sản dài hạn khác	260		1,003,154,884	3,927,247,537
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	997,654,884	3,921,747,537
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268	V.17	5,500,000	5,500,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		593,081,079,280	579,189,390,360

	NGUỒN VỐN			SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		420,491,687,321	409,048,927,458
I	Nợ ngắn hạn	310		375,453,820,208	365,315,376,614
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	65,803,500,345	58,007,655,617
2	Phải trả người bán	312	V.19	149,042,819,514	163,799,930,103
3	Người mua trả tiền trước	313	V.20	64,117,427,278	60,065,743,430
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.21	16,556,582,327	10,764,298,488
5	Phải trả người lao động	315		21,808,397,721	19,568,666,138
6	Chi phí phải trả	316	V.22	27,318,112,524	19,531,428,031
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	29,784,297,836	32,388,002,144
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.24	1,022,682,663	1,189,652,663
II	Nợ dài hạn	330		45,037,867,113	43,733,550,844
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		1,490,581,419	-
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.25	42,415,009,603	42,600,285,603
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	930,026,091	931,015,241
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		202,250,000	202,250,000
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		172,589,391,959	170,140,462,902
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.27	172,589,391,959	170,140,462,902
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		79,968,970,000	79,968,970,000
	- Vốn cố định			16,067,058,695	16,067,058,695
	- Vốn lưu động			63,901,911,305	63,901,911,305
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		30,746,580,408	30,746,580,408
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(128,058,585)	(128,058,585)
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		38,437,015,825	38,437,015,825
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		3,831,578,038	3,831,578,038
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19,733,306,273	17,284,377,216
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		593,081,079,280	579,189,390,360

Hà nội, ngày 20 tháng 04 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ
Quý I và lũy kế đến 31/03/2012

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ I/2011	QUÝ I/2012	LŨY KẾ ĐẾN 31/03/2011	LŨY KẾ ĐẾN 31/03/2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	71,026,487,178	115,422,362,946	71,026,487,178	115,422,362,946
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18,181,112	-	18,181,112	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dv	10		71,008,306,066	115,422,362,946	71,008,306,066	115,422,362,946
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	59,891,916,720	100,967,328,239	59,891,916,720	100,967,328,239
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11,116,389,346	14,455,034,707	11,116,389,346	14,455,034,707
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	624,510,205	1,272,693,124	624,510,205	1,272,693,124
Chi phí tài chính	22	VI.4	3,310,956,581	5,758,634,531	3,310,956,581	5,758,634,531
Chi phí bán hàng	24			-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	3,324,906,632	7,454,538,473	3,324,906,632	7,454,538,473
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,105,036,338	2,514,554,827	5,105,036,338	2,514,554,827
Thu nhập khác	31	VI.6	102,390,490	1,761,604,621	102,390,490	1,761,604,621
Chi phí khác	32	VI.7	99,158,304	1,010,920,705	99,158,304	1,010,920,705
Lợi nhuận khác	40		3,232,186	750,683,916	3,232,186	750,683,916
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,108,268,524	3,265,238,743	5,108,268,524	3,265,238,743
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	1,289,067,131	816,309,686	1,289,067,131	816,309,686
Chi phí thuế thu nhập.	52	V.21			-	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,819,201,393	2,448,929,057	3,819,201,393	2,448,929,057
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8				

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2012

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ 1 NĂM 2012	QUÝ 1 NĂM 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	66,102,871,046	80,622,735,818
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-61,174,504,047	-55,139,352,741
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-9,360,876,235	-11,087,218,871
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-3,060,243,004	-2,032,654,753
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	0	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	118,543,951,930	111,115,263,177
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-102,270,007,553	-122,359,240,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8,781,192,137	1,119,532,630
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
		0	0
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	0	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64,710,466	139,582,968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	64,710,466	139,582,968
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
		0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-15,584,624,750	-9,462,780,730
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-15,584,624,750	-9,462,780,730
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-6,738,722,147	-8,203,665,132
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21,847,814,712	18,774,639,772
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15,109,092,565	10,570,974,640

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Dung

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm:**
 - Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
 - Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
 - Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
 - Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
 - Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
 - Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.
- 4. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 Công ty có 1034 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.148 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí} & & \text{Giá trị} & & \text{Thu nhập} & & \text{Các khoản} & & \text{Chi phí} & & \text{Lãi vay} \\ \text{sản xuất kinh doanh} & = & \text{sản lượng} & - & \text{chịu thuế} & - & \text{phụ phí} & - & \text{quản lý} & - & \text{ước tính} \\ \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{tính trước} & & \text{(nếu có)} & & \text{ước tính} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Riêng thiết bị của nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng và thời gian khấu hao là 25 năm.

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động xây lắp, được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có Biên bản nghiệm thu và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

VI.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.332.332.547	358.042.196
Tiền gửi ngân hàng	8.776.760.018	21.489.772.516
Các khoản tương đương tiền	-	0
<i>Là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng</i>	-	0
Cộng	<u>15.109.092.565</u>	<u>21.847.814.712</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>		<i>1.500.000.000</i>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 ⁽ⁱ⁾	595.200	5.952.000.000		
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	200.000	2.000.000.000		
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	1.000.000	10.000.000.000		
Cộng		<u>17.952.000.000</u>		<u>0</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về khối lượng xây lắp	192.134.143.648	180.688.872.876
Phải thu về cung cấp điện, nước, khác	19.991.562.547	9.002.735.826
Phải thu tiền bán thành phẩm	4.831.917.446	3.381.715.484
Cộng	<u>216.957.623.641</u>	<u>193.073.324.186</u>

4. Trả trước cho người bán

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về khối lượng xây lắp	27.079.705.223	21.633.660.840
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	2.931.022.061	3.376.659.484
Trả trước cho nhà cung cấp điện	10.000.000	10.000.000
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	532.108.400	525.248.900
Cộng	<u>30.552.835.684</u>	<u>25.545.569.224</u>
5. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của CBCNV	1.907.850.489	799.384.844
Phải thu các đội công trình	4.142.376.954	3.637.334.430
Tiền cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	2.340.000.000	2.340.000.000
Tiền điện BĐH DA thủy điện Hòa Na thu hộ	1.682.334.293	2.491.848.729
Tiền đền bù phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long cho Công trình Buôn Kuốp - Đăknông	333.165.351	333.165.350
Phải thu Sở tài chính tiền thuê đất được giảm		158.503.664
Tiền tạm ứng phải thu các CBCNV đã nghỉ việc	208.094.908	208.094.908
Các khoản phải thu khác	1.849.379.358	650.687.276
Cộng	<u>12.617.296.261</u>	<u>10.619.019.201</u>
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(589.669.303)	(589.669.303)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</i>	-	-
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	(88.217.147)	(88.217.147)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	(104.171.379)	(104.171.379)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên</i>	(397.280.777)	(397.280.777)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>(589.669.303)</u>	<u>(589.669.303)</u>
Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	589.669.303	470.775.405

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trích lập dự phòng bổ sung		127.893.898
Hoàn nhập dự phòng		(9.000.000)
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	<u>589.669.303</u>	<u>589.669.303</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	88.166.830	313.166.830
Nguyên liệu, vật liệu	7.896.255.773	7.424.218.298
Công cụ, dụng cụ	977.330.215	212.480.712
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	90.846.505.462	98.048.534.439
Thành phẩm	1.036.308.348	1.036.308.348
Cộng	<u>100.844.566.628</u>	<u>107.034.708.627</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	17.305.821.547	12.452.412.830
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.000.000	1.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	50.000.000	50.000.000
Cộng	<u>17.365.821.547</u>	<u>12.503.412.830</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	74.873.838.441	62.480.568.093	22.598.931.155	1.221.902.110	161.175.239.799
Tăng trong năm				109.090.909	109.090.909
<i>Mua sắm mới</i>				109.090.909	109.090.909
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>					
Giảm trong năm					
do thanh lý, nhượng bán		1.681.000.000			1.681.000.000
Số cuối năm	<u>74.873.838.441</u>	<u>60.799.568.093</u>	<u>22.598.931.155</u>	<u>1.330.993.019</u>	<u>159.603.330.708</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	13.046.805.441	18.261.791.425	12.508.046.848	969.292.521	44.785.936.236
Tăng trong năm do trích khấu hao	655.341.246	1.245.723.774	604.613.523	34.717.173	2.540.395.716
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán		681.215.000			681.215.000
Số cuối năm	13.702.146.687	18.826.300.200	13.112.660.371	1.004.009.694	46.645.116.952
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	61.827.033.000	44.218.776.668	10.090.884.307	252.609.589	116.389.303.563
Số cuối năm	61.171.691.754	41.973.267.893	9.486.270.784	326.983.325	112.958.213.756

Tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Thác Tráng có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 83.017.105.614 VND và 64.181.344.688 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Giá trị lợi thế kinh doanh	Giá trị thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	498.471.398	683.333.331	1.181.804.729
Khấu hao trong năm	18.236.760	24.999.999	43.236.759
Giảm trong năm			
Số cuối năm	516.708.158	708.333.330	1.225.041.488
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	230.999.028	316.666.669	547.665.697
Số cuối năm	212.762.268	291.666.670	504.428.938

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	1.780.462.000	109.090.909	109.090.909		1.780.462.000
Trụ sở Công ty	-				
TSCĐ khác	1.780.462.000	109.090.909	109.090.909		1.780.462.000
XDCB dở dang	7.818.177.998	330.253.618		4.499.393.725	3.649.037.891
Dự án khai thác và SX đá XD	4.339.439.394			4.328.935.543	10.503.851
Kho xưởng công ty	-	170.458.182		170.458.182	0
Dự án khu dân cư Hòa Bình	1.274.269.613	159.795.436			1.434.065.049
Khu ĐT Nhơn Trạch – Đồng Nai	2.204.468.991				2.204.468.991
Sửa chữa lớn TSCĐ	239.630.730	7.000.000			246.630.730
Cộng	9.838.270.728	446.344.527	109.090.909	4.499.393.725	5.676.130.621

(*) Kết chuyển giảm khác là kết chuyển vào giá vốn tương ứng với diện tích chuyển nhượng lại một phần tầng 7 được chuyển nhượng cho Công ty TNHH Smatec, Công ty TNHH Kiến trúc Công trình và Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Việt Hưng.

12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long ^(a)	1.800.000	18.581.773.480	1.800.000	18.581.773.480
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 ^(b)	1.785.000	17.850.000.000	1.785.000	17.850.000.000
Cộng		36.431.773.480		36.431.773.480

^(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0500589591 ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long 15.500.000.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc quý tài chính, Công ty nắm giữ 1.800.000 cổ phiếu, tương đương 36% vốn điều lệ.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long với tỷ lệ cổ phần sở hữu là 36% nhưng vẫn được trình bày ở khoản mục Đầu tư vào công ty con do Công ty có quyền biểu quyết đa số (3/5) trong các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long.

^(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3600974553 ngày 23 tháng 06 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 là 17.850.000.000 VND, tương đương 63,18% vốn điều lệ. Trong kỳ không có biến động về khoản đầu tư này. Tại ngày kết thúc quý tài chính, Công ty đã đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17.850.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà ^(a)	632.500	5.649.956.640	632.500	5.649.956.640
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông ^(b)	650.000	7.750.000.000	600.000	7.250.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà ^(c)	720.000	7.200.000.000	720.000	7.200.000.000
Cộng		20.599.956.640		20.099.956.640

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102174012 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà 5.000.000.000 VND, tương đương 33,12% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc quý tài chính, Công ty nắm giữ 632.500 cổ phiếu, tương đương 36,12% vốn điều lệ.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 06 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông 15.000.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty góp thêm 500.000.000 VND tương đương với 50.000 CP. Tại ngày kết thúc quý tài chính, Công ty nắm giữ 650.000 cổ phiếu, tương đương 10,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông (số đầu năm là 600.000 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 8.500.000.000 VND.

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561 ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà.

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		1.500.000.000		21.652.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà ⁽ⁱ⁾			595.200	5.952.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 ⁽ⁱⁱ⁾	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	-	2.200.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội			200.000	2.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà			1.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cộng		1.500.000.000		21.652.000.000

(ii) Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm, kết chuyển khác	Số cuối năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.556.687.373	16.230.000	1.558.989.760	13.927.613
Chi phí bóc phủ	1.311.636.363		327.909.092	983.727.271
Chi phí mở rộng, cải tạo lòng hồ	1.053.423.801		1.053.423.801	0
Cộng	3.921.747.537	16.230.000	2.940.322.653	997.654.884

16. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	53.889.641.088	44.591.296.360
Ngân hàng NN&PTNT Láng Hạ	25.415.923.489	29.705.636.242
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	22.780.786.268	14.885.660.118
BIDV Hà Tây	2.339.249.385	
Vay dài hạn đến hạn trả	11.913.859.257	13.416.359.257
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	8.830.000.000	8.830.000.000
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	989.700.000	1.289.700.000
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	2.094.159.257	2.792.159.257
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	0	504.500.000
Cộng	65.803.500.345	58.007.655.617

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	44.591.296.360	13.416.359.257	58.007.655.617
Số tiền vay phát sinh	24.697.693.478		24.697.693.478
Kết chuyển từ vay dài hạn			

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số tiền vay đã trả	15.399.348.750	1.502.500.000	16.901.848.750
Số cuối năm	53.889.641.088	11.913.859.257	65.803.500.345

18. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp vật tư, TB, CCDC	31.449.573.362	44.883.474.541
Phải trả nhà cung cấp điện	417.957.466	359.241.296
Phải trả nhà thầu xây lắp	110.189.456.274	114.959.290.621
Phải trả nhà cung cấp khác	6.985.868.431	3.597.923.645
Cộng	149.042.819.514	163.799.930.103

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản ứng trước liên quan đến các hợp đồng xây dựng	63.465.449.829	59.974.320.576
Các khoản ứng trước khác	651.977.449	91.422.854
Cộng	64.117.427.278	60.065.743.430

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.569.056.064	5.041.996.835	300.000.000	12.311.052.899
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.544.145.770	816.309.686		3.360.455.456
Thuế thu nhập cá nhân	129.324.585	98.261.338		227.585.923
Thuế tài nguyên	362.198.569	152.791.360		514.989.929
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	31.075.380	45.075.380	62.150.760	14.000.000
Các loại thuế khác	-			
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	128.498.120			128.498.120
Cộng	10.764.298.488	6.164.934.599	372.650.760	16.556.582.327

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm	10%
Hoạt động khác	5%

Thuế tài nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 2%/ giá tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%. Theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ tài chính hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân, đơn vị thuộc đối tượng doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.265.238.743	20.709.606.723
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		(2.899.407.919)
<i>Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)</i>		565.142.081
<i>Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)</i>		(3.464.550.000)
Tổng thu nhập chịu thuế		17.810.198.804
<i>Trong đó</i>		
<i>Thu nhập tính thuế được giảm 30% theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 08 năm 2011</i>		13.474.269.259
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	816.309.686	4.452.549.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 08 năm 2011		(1.010.570.194)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	816.309.686	3.441.979.507
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	816.309.686	3.441.979.507

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí các công trình	26.441.510.381	18.081.363.651
Chi phí dịch vụ đã phát sinh		-
Tiền vật tư chưa có hóa đơn	702.436.722	1.418.989.000
Chi phí phải trả khác	174.165.421	31.075.380
Cộng	27.318.112.524	19.531.428.031

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.514.384.107	1.314.308.475
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	2.164.055.322	1.897.706.661
Phải trả các đội tiền khoán công trình	21.577.268.511	24.775.150.249
Nhận ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	75.115.556	105.400.282
Cổ tức phải trả các cổ đông	33.551.173	33.551.173
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.397.423.167	1.239.385.304
Cộng	<u>29.784.297.836</u>	<u>32.388.002.144</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	Tăng do trích lập từ	Chi quỹ trong năm	<u>Số cuối năm</u>
		lợi nhuận		
Quỹ khen thưởng	734.069.280		98.700.000	640.169.280
Quỹ phúc lợi	455.583.383		68.270.000	382.513.383
Cộng	<u>1.189.652.663</u>		<u>166.970.000</u>	<u>1.022.682.663</u>

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi nhánh Ngân hàng DT&PT Điện Biên</i>	<i>30.916.546.906</i>	<i>30.916.546.906</i>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.	28.342.123.867	28.342.123.867
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.	2.574.423.039	2.574.423.039
<i>Chi nhánh Ngân hàng DT&PT Đông Đô</i>		-
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.342.09/HĐTĐTH ngày 26/08/2009, vay để đầu tư mua máy móc thiết bị thuộc Dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009.		-
<i>Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung</i>	<i>286.000.000</i>	<i>286.000.000</i>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số	286.000.000	286.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>			
028/2007/HĐTD ngày 05/03/2007, thời hạn vay 72 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Khai thác xà sản xuất đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường”					
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 200410/HĐTD ngày 24/04/2010, thời hạn vay 60 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”		-			
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	11.212.462.697	11.397.738.697			
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/123/09/TH ngày 12/7/2010, thời hạn vay là 60 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành	701.600.000	701.600.000			
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/049/09/TH ngày 09/9/2009, thời hạn vay là 36 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua ô tô phục vụ công tác điều hành thi công		-			
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/059/09/DH ngày 21/10/2009, thời hạn vay là 120 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7 - tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông	10.510.862.697	10.696.138.697			
Cộng	42.415.009.603	42.600.285.603			
Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn					
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Từ 1 năm trở xuống (Nợ dài hạn đến hạn trả)	11.913.859.257	13.416.359.257			
Trên 1 năm đến 5 năm	42.415.009.603	42.600.285.603			
Trên 5 năm					
Tổng nợ	54.328.868.860	56.016.644.860			
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn					
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	30.916.546.906	-	-		30.916.546.906
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	-	-	-		-
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	286.000.000	-	-		286.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	11.397.738.697	-	185.276.000		11.212.462.697
Cộng	42.600.285.603	-	185.276.000		42.415.009.603

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	931.015.241	825.164.354
Số trích lập bổ sung		381.392.055
Số đã chi	(989.150)	(275.541.168)
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	930.026.091	931.015.241

26. Doanh thu chưa thực hiện

Phí ủy thác góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà .

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	32.213.253.801	2.941.472.470	12.815.801.360	158.558.019.454
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	17.267.627.216	17.267.627.216
Trích quỹ ĐTPT, DPTC	-	-	-	6.223.762.024	890.105.568	(7.113.867.592)	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	(890.105.568)	(890.105.568)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(4.795.078.200)	(4.795.078.200)
Số dư cuối năm trước	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	17.284.377.216	170.140.462.902
Số dư đầu năm nay	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	17.284.377.216	170.140.462.902
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.448.929.057	2.448.929.057
Trích quỹ ĐTPT, DPTC	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	19.733.306.273	172.589.391.959

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tập đoàn Sông Đà)	29.680.000.000	29.680.000.000
Vốn góp của các cổ đông	50.288.970.000	50.288.970.000
Thặng dư vốn cổ phần	30.746.580.408	30.746.580.408
Cổ phiếu quỹ	(128.058.585)	(128.058.585)
Cộng	110.587.491.823	110.587.491.823

Cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước		4.790.728.200
Tạm ứng cổ tức		
Cộng		4.790.728.200

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.996.897	7.996.897
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.100	5.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.991.797	7.991.797
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.991.797	7.991.797

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	115.422.362.946	535.924.565.990
Doanh thu bán điện thương phẩm	7.094.167.588	16.704.827.698
Doanh thu hoạt động xây dựng	87.579.242.617	436.262.748.631
Doanh thu hoạt động khác	20.748.952.741	82.956.989.661
Các khoản giảm trừ doanh thu:		(18.181.112)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>		<i>(18.181.112)</i>
Doanh thu thuần	115.422.362.946	535.924.565.990
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán điện thương phẩm</i>	<i>7.094.167.588</i>	<i>16.704.827.698</i>
<i>Doanh thu thuần hoạt động xây dựng</i>	<i>87.579.242.617</i>	<i>436.244.567.519</i>
<i>Doanh thu thuần hoạt động khác</i>	<i>20.748.952.741</i>	<i>82.956.989.661</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	1.630.530.197	5.267.776.565
Giá vốn của hoạt động xây dựng	82.347.141.631	412.021.674.752
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	16.989.656.411	50.830.428.598
Cộng	<u>100.967.328.239</u>	<u>468.119.879.915</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	140.009.033	290.275.962
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay		-
Cổ tức và lợi nhuận được chia		3.464.550.000
Phí bảo lãnh	1.132.684.091	1.119.245.205
Doanh thu tài chính khác		603.888.058
Cộng	<u>1.272.693.124</u>	<u>5.477.959.225</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	5.688.999.530	17.932.720.871
Phí bảo lãnh	67.005.001	2.310.098.070
Chi phí tài chính khác	2.630.000	24.550.000
Cộng	<u>5.758.634.531</u>	<u>20.267.368.941</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.870.824.887	19.995.399.571
Chi phí vật liệu quản lý	566.757.490	2.161.694.930
Chi phí đồ dùng văn phòng	231.410.204	1.001.033.411
Chi phí khấu hao TSCĐ	450.571.184	1.875.289.910
Thuế, phí và lệ phí	154.589.204	298.957.380
Chi phí dự phòng		118.893.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	556.390.337	3.100.764.596
Chi phí bằng tiền khác	1.642.603.623	4.745.417.155
Cộng	<u>7.454.538.473</u>	<u>33.297.450.851</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	1.000.000.000	384.292.637
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn		-
Hoàn nhập chi phí trích trước		-
Thu từ cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	761.604.621	710.720.048

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ bán vật tư		-
Thu nhập khác		378.805.583
Cộng	<u>1.761.604.621</u>	<u>1.473.818.268</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	999.785.000	37.714.512
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH		339.552.393
Chi phí bán vật tư		-
Chi phí khác	11.135.705	86.589.036
Cộng	<u>1.010.920.705</u>	<u>463.855.941</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 11 bằng giá trị tài sản, công nợ	-	-
Chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh VIII.5 đến VIII.9 dưới đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	315.752.727	1.233.355.832
Phụ cấp	187.500.000	738.000.000
Cộng	503.252.727	1.971.355.832

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Sông Đà	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tập đoàn Sông Đà		
Phụ phí công trình Nậm Chiến đã trả		313.203.534
Nhận ứng trước tiền CT Thủy điện Nậm Chiến		11.911.796.466

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long

Giao dịch mua hàng

Giá trị xây lắp hoàn thành	3.860.518.404	36.691.201.347
Thuế GTGT	386.051.840	3.669.120.134
Mua tài sản cố định		-
Thuế GTGT		-

Giao dịch bán hàng

Cung cấp bê tông		-
Thuế GTGT		-
Bán vật tư		475.843.753
Thuế GTGT		47.584.375

Giao dịch khác

Cổ tức được chia		2.340.000.000
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	246.803.668	355.529.690
Thu tiền cho vay vốn lưu động		-
Trả lại tiền ký quỹ		-
Tiền phí bảo hiểm công trình		33.651.712
Thuế GTGT		3.365.171

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11		
Giao dịch mua hàng		
Giá trị xây lắp hoàn thành	17.607.539.821	40.260.441.366
Thuế GTGT	1.760.753.982	4.026.044.137
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	36.790.310	365.951.739
Giao dịch bán hàng		
Cung cấp vật tư		528.765.420
Thuế GTGT		52.876.542
Thu phí bảo hiểm thực hiện công trình		30.684.533
Thuế GTGT		3.068.453
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà		
Tiền cổ tức năm 2008		
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông		
Góp vốn điều lệ	500.000.000	
Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà		
Giá trị khối lượng công trình được cung cấp	7.089.079.065	63.143.210.132
Thuế GTGT	708.907.906	6.314.321.013
Cho vay vốn lưu động		
Doanh thu bán điện trong năm		826.795
Thuế GTGT		82.680
Giảm trừ doanh thu do quyết toán		(18.181.112)
Thuế GTGT		(1.818.111)
Thu hồi vốn vay		6.314.321.013
Thu phí BL	375.405.337	
Góp vốn bằng tài sản và công nợ		
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Sông Đà		
Phải thu về công trình xây dựng	364.235.777	364.235.777
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	4.030.528.883	6.823.261.314
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	967.779.575	3.760.512.006
Phải thu về khối lượng công trình xây dựng	722.749.308	722.749.308
Phải thu tiền cổ tức	2.340.000.000	2.340.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	10.337.779.778	10.352.940.576
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	10.337.779.778	10.352.940.576
Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	6.966.059.923	9.562.941.437
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	6.966.059.923	9.562.941.437

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng nợ phải thu	21.334.368.584	27.700.828.516
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>	<i>1.903.853</i>	<i>1.903.853</i>
Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	1.903.853	1.903.853
Phải trả về tiền ứng trước công trình Nậm Chiến		
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long</i>	<i>13.606.870.269</i>	<i>21.823.900.290</i>
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	13.606.870.269	21.823.900.290
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</i>	<i>26.899.400.080</i>	<i>23.338.644.087</i>
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	26.899.400.080	23.338.644.087
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà</i>	<i>27.307.756.169</i>	<i>30.697.781.993</i>
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	27.307.756.169	30.697.781.993
Cộng nợ phải trả	75.862.230.223	75.862.230.223

3. Chi phí lãi vay vốn hoá

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	-	-
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	-	-

4. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực</u>		
	<u>Lĩnh vực Xây lắp</u>	<u>ngoài xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
Lũy kế từ đầu năm đến 31/03/2012			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	87.579.242.617	27.843.120.329	115.422.362.946
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.579.242.617	27.843.120.329	115.422.362.946
Chi phí bộ phận	(85.270.449.981)	(23.600.569.368)	(108.871.019.286)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.308.792.699	4.691.703.535	7.000.496.234
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.000.496.234

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Doanh thu hoạt động tài chính			1.272.693.124
Chi phí tài chính			(5.758.634.531)
Thu nhập khác			1.761.604.621
Chi phí khác			(1.010.920.705)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(816.309.686)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.448.929.057
Năm trước (2011)			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	436.244.567.519	99.661.817.359	535.906.384.878
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	436.244.567.519	99.661.817.359	535.906.384.878
Chi phí bộ phận	(439.126.841.729)	(62.290.489.037)	(501.417.330.766)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.882.274.210)	37.371.328.322	34.489.054.112
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			34.489.054.112
Doanh thu hoạt động tài chính			5.477.959.225
Chi phí tài chính			(20.267.368.941)
Thu nhập khác			1.473.818.268
Chi phí khác			(463.855.941)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.441.979.507)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			17.267.627.216

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	407.129.542.270	75.738.774.660	482.686.316.930
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			110.212.762.350
Tổng tài sản			593.081.079.280
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			381.386.278.587
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			36.950.449.980
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			2.154.958.754

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Tổng nợ phải trả			420.491.687.321

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.109.092.565	21.847.814.712	15.109.092.565	21.847.814.712
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	19.452.000.000	21.652.000.000	19.452.000.000	21.652.000.000
Phải thu khách hàng	216.957.623.641	192.485.439.639	216.957.623.641	192.485.439.639
Các khoản phải thu khác	12.617.296.261	10.673.734.445	12.617.296.261	10.673.734.445
Cộng	264.136.012.467	246.658.988.796	264.136.012.467	246.658.988.796
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	108.218.509.948	100.607.941.220	108.218.509.948	100.607.941.220
Phải trả cho người bán	149.042.819.514	163.799.930.103	149.042.819.514	163.799.930.103
Các khoản phải trả khác	29.784.297.836	72.419.111.554	29.784.297.836	72.419.111.554
Cộng	287.045.627.298	336.826.982.877	287.045.627.298	336.826.982.877

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V8). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Nhà cửa, vật kiến trúc	29.382.532.066	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Máy móc và thiết bị	34.110.550.514	vay với mục đích thực hiện dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Trắng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên
Cộng	63.493.082.580	
Số đầu năm		
Nhà cửa, vật kiến trúc	29.768.729.731	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay với mục đích thực hiện dự án xây dựng
Máy móc và thiết bị	34.412.614.957	Nhà máy Thủy điện Thác Trắng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên
Cộng	64.181.344.688	

7. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này, khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	65.803.500.345	42.415.09.603		108.218.509.948
Phải trả cho người bán	149.042.819.514	-		149.042.819.514
Các khoản phải trả khác	68.241.934.456	930.026.091		69.171.960.547
Cộng	283.088.245.315	43.345.035.694		326.433.290.009
Số đầu năm				
Vay và nợ	58.007.655.617	42.600.285.603		100.607.941.220
Phải trả cho người bán	163.799.930.103			163.799.930.103
Các khoản phải trả khác	71.488.096.313	931.015.241		72.419.111.554
Cộng	292.794.242.033	44.035.800.844		336.826.982.877

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Những thông tin khác

Thông tin so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội.

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2012

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/5/2006;
- Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;
- Quyết định số 325/QĐ-SGDHN ngày 04/06/2010 về việc ban hành quy chế công bố thông tin trên Sở Giao Dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Sông Đà 11 giải trình biến động về lợi nhuận thực hiện sau thuế quý I/ 2012 so với quý I/ 2011 Công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	Quý I/2012	Quý I/2011	Tỷ lệ thay đổi (%) quý I/2012 so với quý I/ 2011
Lợi nhuận sau thuế	2.448.929.057	3.819.201.393	35,9%

Lợi nhuận thực hiện sau thuế quý I/2012 biến động giảm so với quý I/2011(giảm hơn 10%) là do:

Những tháng đầu năm 2012 các doanh nghiệp Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn do chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ Việt Nam dẫn đến việc các tổ chức tín dụng cho vay vốn đối với các doanh nghiệp vẫn còn cao, điều này đã đẩy chi phí tài chính của doanh nghiệp trong quý I/2012 lớn hơn rất nhiều so với cùng kỳ năm 2011. Mặt khác chi phí nguyên liệu đầu vào tăng dẫn đến giá vốn hàng bán cũng tăng và làm cho lợi nhuận sau thuế quý I/2012 giảm so với quý I/2011.

Công ty cổ phần Sông Đà 11 xin giải trình lợi nhuận thực hiện sau thuế của đơn vị trong quý I/ 2012 .

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, TCHC.